TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2022/DS-PT
Ngày: 17-01-2022
"V/v tranh chấp QSDĐ và
Bồi thường thiệt hại"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh;

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt;

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 17/01/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2021/TLPT-DS ngày 08 tháng 06 năm 2021 về "V/v tranh chấp QSD đất và Bồi thường thiệt hại tài sản". Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2021/ DS-ST ngày 20 tháng 04 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 202/2021/QĐ-PT ngày 06 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa và các Thông báo mở lại phiên tòa, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1950,

Địa chỉ: Ấp P C, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn H là: Ông Thái Quang T, sinh năm 1975; Địa chỉ: 278, Nguyễn Thị Minh Khai, Khóm 1, Phường 1, Thành Phố C, Đồng Tháp. (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 04/5/2021);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lại Thị T1, sinh năm 1953; Địa chỉ: Ấp P xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Văn H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/9/2019 và L2i khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

Nguồn gốc đất của ông C lập biên nhận vào ngày 02/11/2000 cho ông L gồm một cái hầm nuôi cá và căn nhà cây tạp để cấn trừ khoản nợ do ông C nợ ông L số tiền 60.000.000đ, thời gian là 02 năm, thỏa thuận 01 năm ông C trả cho ông L 30.000.000đ. Nếu quá hạn ông C không thực hiện đúng thì nhà và đất thuộc quyền sử dụng của ông L.

Đến năm 2003, ông C không thực hiện L2i hứa nên giao đất hầm và nhà cho ông L được quyền sử dụng, ông L làm thủ tục gửi Uỷ ban nhân dân xã P và Ủy ban nhân dân huyện T xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2009, Sở Tài Nguyên – Môi trường cùng địa phương xác minh toàn bộ vụ việc mới biết phần đất của ông L xin được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là một phần thuộc thửa 1150, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.863m^2 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Trường Tiểu học P (điểm A) vào ngày 27/6/1994 (hiện trạng thửa đất số 1150 này do ông L sử dụng 1.346m^2 và ông Tạ Văn C1 sử dụng dụng 2.357m^2). Do đó, ông L tiếp tục khiếu nại về Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Việc việc khiếu nại của ông L đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp giải quyết: Chấp nhận thu hồi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng dụng đất của Trường Tiểu học Phú Thọ (Điểm A) thu hồi thửa số 1150, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.863m^2, giao Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Năm 2018 ông H (con ruột ông C) ngang nhiên lấn chiếm đất, tác hầm trên diện tích 1.346m^2 của ông L đang sử dụng. Ông L có trình báo chính quyền địa phương lập biên bản ngày 16/02/2019 nhưng ông H cố tình chiếm đất.

Nay ông L yêu cầu ông H trả lại diện tích đất 1.346m^2, đo đạc thực tế 1.287,8m^2 thuộc một phần thửa 1150, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại xã Phú Thọ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp và yêu cầu Tòa án công nhận phần đất này cho ông L. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Đối với các cây trồng trên đất: 02 cây bình bát, 02 cây bạch đàn, 02 cây mít, 01 cây gáo, 01 cây me, 01 cây thốt nốt thì ông L không có ý kiến và yêu cầu gì, đất giao cho ai thì người đó được quyền sử dụng cây trồng trên đất.

Ông L rút yêu cầu ông H bồi thường thiệt hại do bao chiếm đất số tiền là 12.000.000đ. Nhưng trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông L rút lại, không yêu cầu ông H bồi thường số tiền 12.000.000đ nữa.

- Tại tờ tường trình ngày 05/02/2020, đơn yêu cầu phản tố ngày 20/5/2020 và L2i khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn H do bà Nguyễn Thị Mỹ X đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông H không chiếm đất của ông L, giấy tờ nào của ông L chứng minh đất đó là của ông L mà ông H chiếm đất; Ông L nói phần đất tranh chấp là của

ông C thì ông L phải chứng minh phần đất đó là của ông C. Ông L tại sao lại bán căn nhà của ông H vào năm 2005.

Nguồn gốc đất là của Ủy ban nhân dân xã P bán cho ông T1, ông T1 bán lại cho ông H1, ông H1 bán lại cho Bé S. Đến tháng 6/1999 ông Bé S bán lại cho ông H. Ông H mua đất nguồn gốc từ Ủy ban nhân dân xã P, diện tích là 1.000m^2 cho nên diện tích đất trên là của ông H, ông H và M cất nhà ở và canh tác sử dụng đất nuôi cá trê đến năm 2019 thì Ủy ban nhân dân xã P vô ngăn cản và ngưng nuôi cá và bỏ hầm trống cho đến ngày hôm nay.

Diện tích đất trên, nhiều lần không nhớ thời gian nào ông L dẫn đoàn đo đạc đến đất đo đạc nhưng M ngăn cản không đo được, lần sau cùng là năm 2018. Ngày bà M và ông H đi vắng, đoàn đo đạc đến đo, Ủy ban nhân dân xã P cho biết theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện T, ông H có đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T có văn bản Tài nguyên – Môi trường huyện Tam Nông có trách nhiệm giải thích việc đo đạc trên.

Ông H đã có đơn gửi Trưởng Phòng Tài nguyên – Môi trường huyện nhưng chưa được sự trả L2i, bà Mỹ X trực tiếp gặp cán bộ Tài nguyên – Môi trường nhiều lần nhưng vẫn chưa có trả L2i dứt điểm, ông H mua của Ủy ban nhân dân xã P diện tích 1.000m^2, ông L đất ở đâu mà đòi ông H trả 1.346m^2. Ông C nợ ông L sao ông L lấy đất và nhà ông H, đất nào là đất của ông C. Kính nhờ Tòa án xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H canh tác X suốt gần 20 năm, còn ông L không có nhà trên đất, không canh tác sử dụng, quản lý trên phần đất 1.000m^2 của ông H. Ủy ban nhân dân xã P bán đất cho dân, rành về pháp luật, Ủy ban nhân dân xã P hướng dẫn dân làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất thì không có tình trạng rắc rối, khốn khổ cho người dân lao động nghèo.

Đối với các cây trồng trên đất: 02 cây bình bát, 02 cây bạch đàn, 02 cây mít, 01 cây gáo, 01 cây me, 01 cây thốt nốt thì bà X là người đại diện theo ủy quyền của ông H không có ý kiến và yêu cầu gì, đất giao cho ai thì người đó được quyền sử dụng.

Qua yêu cầu của ông L thì ông H không đồng ý vì ông H không có chiếm đất của ông L. Ông H khẳng định đây là đất của ông H, chứ không phải là đất của ông C.

Ông H yêu cầu ông L bồi thường giá trị căn nhà 40.000.000đ và tiền bồi thường thiệt hại 60.000.000đ do ông L tranh chấp không cho sử dụng hầm nuôi cá.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Lại Thị T1 trình bày: Thống nhất theo L2i trình bày của ông L, không trình bày gì thêm.

- Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn L đối với ông Nguyễn Văn H về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Ông Nguyễn Văn L được quyền sử dụng đất diện tích đất 1.287,8m^2 tại một phần thửa 1150, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, đo đạc cụ thể bao gồm tại các điểm T1- M2- M3-M4;

(Kèm theo sơ đồ đo đạc ngày 28/5/2020 của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc B và biên bản xem xét, thẩm định tại chổ ngày 28/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện T).

Ông Nguyễn Văn L có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất đã được giao như nêu trên theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Văn L được quyền sử dụng tất cả các cây trồng trên đất như: 02 cây bình bát, 02 cây bạch đàn, 02 cây mít, 01 cây gáo, 01 cây me, 01 cây thốt lốt.

2. Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Văn L đối với ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại do bao chiếm đất là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn H đối với ông Nguyễn Văn L về việc yêu cầu bồi thường giá trị căn nhà số tiền là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) và bồi thường tiền lãi nuôi cá số tiền là 60.000.000đ (S mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Sau khi xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Văn H là bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H. Giữ nguyên nội dung quyết định bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn L về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với ông Nguyễn Văn H. Ông H có đơn yêu cầu phản tố đối với ông L về việc yêu cầu bồi thường giá trị căn nhà với số tiền là 40.000.000đ và bồi thường tiền lãi nuôi cá số tiền là 60.000.000đ nên Tòa sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại" là phù hợp với quy định tại khoản 6, 9 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự đang cư trú tại huyện T nên Tòa án Huyện T thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại tại khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào yêu cầu kháng cáo ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông, sửa một phần bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

- Về diện tích đất tranh chấp: phần đất tranh chấp giữa ông L và ông H có diện tích đất 1.346m^2, theo đo đạc thực tế có diện tích là 1.287,8m^2, thuộc một phần thửa 1150, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giá đất theo Hội đồng định giá xác định là 45.000đ/m^2 (mục đích sử dụng đất nuôi trồng thủy sản- theo hiện trạng, đất thuộc vị T 1, khu vực 2).

- Về nguồn gốc đất: Căn cứ vào kết quả xác minh của các cơ quan chuyên môn đã xác định được như sau: Diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc đất là của Trường tiểu học xã Phú Thọ điểm A, do không có nhu cầu sử dụng nên Ủy ban nhân dân xã P đứng ra bán cho ông Lê Văn S1 vào năm 1996 (ông S1 mua giùm ông Nguyễn Ngọc T1), Ông T1 mua nhưng không sử dụng và bán lại cho ông Nguyễn Văn H1 vào năm 1996. Ông H1 đào ao nuôi cá rồi bán lại cho Lê Văn Bé S vào ngày 09/4/1999 (giấy tay). Ông Lê Văn Bé S bán lại cho gia đình ông C. Sau khi mua đất thì ông C cất nhà ở và nuôi cá được 2-3 năm, do nuôi cá bị lỗ dẫn đến ông C nợ ông L số tiền 60.000.000đ nên ông C mới giao nhà và đất hầm cho ông L để trừ nợ.

Căn cứ vào biên nhận nợ đề ngày 02/11/2000 do ông L cung cấp xác định ông C có nợ ông L số tiền mua cá mồi là 60.000.000đ; Đồng thời, thể hiện ông C giao diện tích đất hầm và nhà cho ông L với thời hạn 2 năm, mỗi năm sẽ trả cho ông L 30.000.000đ, nếu hết thời hạn 2 năm, ông C không trả đủ tiền thì hầm và nhà thuộc quyền của ông L sử dụng, L2i trình bày của ông L phù hợp với L2i khai của người làm chứng ông Tạ Văn C1 xác định biết việc ông C nợ tiền ông L nên giao nhà và đất hầm cho ông L để trừ nợ. Từ lúc ký biên nhận nợ đến nay ông C không trả nợ và cũng không có tranh chấp gì đối với phần đất và nhà này.

- Về quá trình sử dụng đất: Từ khi nhận đất và hầm do ông C giao từ năm 2003 thì ông L có nuôi cá đến năm 2007, trong thời gian này ông L có thuê ông Lại Văn H2 và ông Nguyễn Văn C3 là hai người làm công nuôi cá và quản lý hầm cho ông L, đến năm 2008-2009 thì ông L cho ông Tạ Văn C1 thuê nuôi cá, năm 2010-2011 ông L cho ông Nguyễn Văn Tân thuê, năm 2012- 2013 ông L cho ông Nguyễn Văn L2 thuê, năm 2014-2015 ông L tiếp tục sử dụng hầm để nuôi cá, năm 2016 thì ông L cho rằng cho bà Phan Thị M thuê. Đến năm 2017 thì ông L đi Hàn Quốc hầm bỏ trống nên bà M ngang nhiên cho ông Tiếp thuê năm 2018, ông L về báo chính quyền địa phương ngăn cản không cho M thả cá và phát sinh tranh chấp với ông H cho đến ngày hôm nay.

Mặc khác, trong suốt quá trình ông L sử dụng đất từ năm 2003 đến năm 2017 không ai đứng ra tranh chấp, ông L đã liên tục đi khiếu nại nhiều nơi để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, L2i khai của ông Tạ Văn C1 cũng

xác định từ năm 2003 ông C1 cùng đi với ông L khiếu nại nhiều nơi về việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc khiếu nại của ông L đến ngày 12/6/2019 thì được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành quyết định số 170/QĐ-UBND.NĐ ngày 12/6/2019 thu hồi một phần diện tích đất đã cấp cho Trường tiểu học xã P, điểm A giao lại Ủy ban nhân dân huyện T để xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo thẩm quyền. Khi Ủy ban nhân dân xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định thì mới phát sinh tranh chấp.

Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L là có căn cứ.

Từ những nhận định và phân tích trên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H nên ông H phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Xét lời trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 6, khoản 9 điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 48 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H;

2. Giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 20/04/2021 của Tòa án nhân dân huyện T;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn L đối với ông Nguyễn Văn H về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Ông Nguyễn Văn L được quyền sử dụng phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 1.287,8m^2 thuộc một phần thửa 1150, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại xã Phú Thọ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Mục đích sử dụng đất: nuôi trồng thủy sản (theo hiện trạng), đất thuộc vị T 1, khu vực 2.

(Kèm theo sơ đồ đo đạc ngày 28/5/2020 của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc B và biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện T).

Ông Nguyễn Văn L có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất đã được giao như nêu trên theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Văn L được quyền sử dụng tất cả các cây trồng trên đất như: 02 cây bình bát, 02 cây bạch đàn, 02 cây mít, 01 cây gáo, 01 cây me, 01 cây thốt lốt.

- Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Văn L đối với ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại do bao chiếm đất là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn H đối với ông Nguyễn Văn L về việc yêu cầu bồi thường giá trị căn nhà số tiền là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) và bồi thường tiền lãi nuôi cá số tiền là 60.000.000đ (S mươi triệu đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

+ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 7.897.000đ nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000đ theo biên L thu số: BI/2019/0002638 ngày 01/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Ông Nguyễn Văn H còn phải nộp tiếp số tiền 5.397.000đ (Năm triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

Ông Nguyễn Văn L không phải nộp tiền tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm do ông Nguyễn Văn L là người cao tuổi.

+ Về chi phí tố tụng:

Buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn L chi phí xem xét thẩm định tại chổ số tiền là 3.443.000đ và chi phí định giá là 400.000đ (Năm trăm nghìn đồng). Tổng cộng là 3.843.000đ (Ba triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn đồng); do ông L đã nộp tạm ứng trước.

Ngoài ra, ông H còn phải chịu 2.000.000 đồng, tiền chi phí xem xét thẩm định, bổ sung tại cấp phúc thẩm (số tiền này ông H đã nộp tạm ứng và đã chi xong).

- Về án phí phúc thẩm: ông Nguyễn Văn H phải nộp 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm; nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên L thu số: BI/2019/0002321 ngày 04/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng GĐ-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND H. T;
- Chi cục THADS H. T;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Võ Trinh